TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2017/HSPT
Ngày: 26-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Ong Thân Thắng

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Thu - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2017/HSPT ngày 17/8/2017 đối với bị cáo Trịnh Trọng B do có kháng cáo của bị cáo B với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Trịnh Trọng B**, sinh năm 1979; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng NKTT: Thôn T, xã Qn, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi tạm trú: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắc Nông; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trịnh Trọng N (đã chết); Con bà Đặng Thị L, sinh năm 1954; Vợ: Vũ Thị T1, sinh năm 1982 (bị cáo khai tại phiên tòa là đã ly hôn năm 2017); Có 02 con, lớn sinh 2000, nhỏ sinh 2009; Trước khi bị bắt B đang C1 sống như vợ chồng với chị Trần Thị T2, sinh năm 1988 ở Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắc Nông và đã có 01 con chung, sinh năm 2016; Tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

Luật sư Nguyễn Đình Huân - Văn phòng luật sư Nguyễn Đình Huân - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, Địa chỉ: Số 139, đường Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang và bản án Hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 12/7/2017 của TAND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nội dung vụ án như sau:

Do biết nhóm của Đỗ Văn L ở thôn Bến Huyện, xã N, huyện L cùng đồng bọn th- ờng hay đi trộm cắp chó ở các xã trên địa bàn huyện L và huyện S, tỉnh Bắc Giang, nên Nguyễn Văn Đ; Chu Văn H1; Trịnh Trọng B; Nguyễn Văn H đã nẩy sinh ý định tìm đón chặn để chiếm đoạt tài sản của những ng- ời đó.

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/10/2012 đến ngày 15/10/2012 Trịnh Trọng B và đồng bọn đã thực hiện các vụ "Cướp tài sản" và "C- ỡng đoạt tài sản" trên địa bàn huyện L và huyện S nh- sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 12/10/2012 Nguyễn Văn Đ, Trịnh Trọng B, Chu Văn H1, Nguyễn Văn H, Mai Thị T3 cùng ngồi uống n- ớc ở quán của gia đình anh Nguyễn Văn N1 (em trai Đ) ở thôn K1, xã S , huyện L. Tại đây B nói với đồng bọn là "Có ng- ời đặt hàng rồi nh- ng bọn nó không bán chó cho" (tức là đồng bọn của Đỗ Văn L th- ờng đi trộm cắp đ- ợc chó nh- ng không bán cho B) nghe vậy Đ nói "Chúng nó còn bắt trộm cả chó của nhà tao". Sau đó B, Đ, Chu Văn H11, Nguyễn Văn H bàn nhau "Đã thế thì đi chặn bắt lấy đồ của chúng nó" (nghĩa là đi chiếm đoạt ph- ơng tiện, tài sản của nhóm trộm cắp chó). Đ bảo H gọi thêm ng- ời. Lúc đó Chu Văn T4 gọi điện cho Chu Văn H11 bảo lên thị trấn C, huyện L để đón T4 về nhà ở xã M, huyện L. H1 bảo T4 là cứ chờ ở ngã t- Đài truyền hình thị trấn C rồi B bảo Chu Văn H11 vào nhà Đ "Cầm túi đồ đem đi" Chu Văn H11 vào cầm túi vợt cầu lông đựng súng tự chế, dao, đao đem ra rồi cả nhóm cùng đi, B điều khiển chiếc xe ô tô tải, loại nhỏ theo B khai là xe của Bùi Văn N2 ở thôn X, xã M chở Mai Thị T3, Chu Văn H11, còn Nguyễn Văn H đi chiếc xe mô tô m- ợn của anh C ở huyện C, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn Đ đi xe mô tô của Chu Văn H11. Khi đến ngã t- Đài truyền hình - Thị trấn C, Chu Văn H11 rủ T4 cùng đi tham gia chiếm đoạt tài sản của nhóm trộm cắp chó. Chu Văn H11 nói "Bây giờ đi sang xã N vì ở bên đấy có bọn chuyên đi trộm cắp chó" Thấy Chu Văn H11 bảo vậy, Chu Văn T4 đi chiếc xe mô tô mà Đ đang đi của Chu Văn H11 để Đ lên xe ô tô. rồi tất cả đồng ý đi theo sự chỉ đạo của Chu Văn H11 đến ngã ba thôn B, xã N, huyện L thì dừng lại để phục chặn bắt các đối tượng đi trộm chó. Trên đường đi Đ bảo với đồng bọn là ít ng- ời thế này làm sao bắt đ- ợc chúng nó, thì Chu Văn H11 liền điện thoại cho D- ơng Văn T5 trú tại thôn X- Xã M, huyện L và bảo T5 cùng tham gia

bắt nhóm trộm chó. T5 đồng ý nhưng không có xe đi, thì Chu Văn H11 bảo với T5 là cứ mặc quần áo và ra cửa chờ T4 xuống đón. T5 đồng ý và đem theo 01 thanh sắt loại sắt V6 đi ra cổng để T4 đến đón chở đến chỗ nhóm H1. Khoảng 0 giờ ngày 13/10/2012 tại ngã ba thôn B - xã N cả nhóm phát hiện có 01 xe mô tô đi theo h- ớng xã N đi xã T, nghi là nhóm ng- ời đi trộm chó, nên T4, T5 đi C1 01 xe mô tô của Chu Văn H1, còn Nguyễn Văn H đi chiếc xe mô tô m- ợn của anh C, cùng đuổi theo, khi đuổi áp sát gần thì bị ng- ời ngồi sau xe đang bị đuổi xịt hơi cay nên tất cả không đuổi nữa và quay lại ngã ba tiếp tục phục đón. Khoảng 01 giờ cùng ngày nhóm của Đ lại phát hiện có 02 xe mô tô đi theo h- ớng xã N đi xã T. Chu Văn H1 bảo với đồng bọn là "Chúng nó đấy" thì T5, T4, Nguyễn Văn H đi 02 mô tô đuổi theo nh- ng lần này cũng không bắt giữ đ- ợc. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày không thấy nhóm trộm chó quay lại, nên đồng bọn của Đ di chuyển ra ngã t- thôn T, xã N nơi có 01 đ- ờng rẽ đi thôn B, xã N, 01 đ- ờng rẽ vào tr- ờng tiểu học xã N. Đến nơi Chu Văn H1 phân công B, T3 ngồi ở xe ô tô và đỗ ở phía bên phải đ- ờng rẽ đi thôn B, xã N để chuẩn bị sẵn sằng đuổi. T4, T5 sử dụng chiếc xe mô tô của Chu Văn H1 chặn ở phía đ- ờng rẽ vào tr- ờng tiểu học và có nhiệm vụ nếu thấy xe ai đi đến thì nổ máy dọi đèn chiếu sáng về h- ớng xe đó để mọi ng- ời nhận diện xem có phải đối tượng trộm cắp chó để phối hợp bắt giữ chiếm đoạt tài sản của họ, rồi Chu Văn H1 đ- a cho D- ơng Văn T5 01 thanh kiếm, Nguyễn Văn H đ- ợc phân công cầm súng đứng chặn ở gần biển báo hiệu giao thông đ- ờng rẽ h- ớng Nam D- ơng đi thị trấn C, còn Chu Văn H1 và Đ phục chặn ở đầu đ- ờng h- ớng từ ngã t- thôn T đi xã T, huyện L.

Khoảng 04 giờ ngày 13/10/2012 Đỗ Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, mang biển kiểm soát 98M8- 4188 của Ân Văn C1 và chở C1 ngồi sau đi theo h- ớng thôn B, xã N ra thị trấn C, huyện L, mục đích để đi trộm cắp chó. Khi đến gần ngã t- thôn T, xã N, huyện L nơi đồng bọn Đ đang phục đón, thì T5 nổ xe máy soi đèn chiếu sáng về phía xe của P, qua ánh đèn Chu Văn H1 nhận ra C1 và P đều ở thôn B, xó N là nhóm ng- ời chuyên đi trộm cắp chó nên hô báo cho đồng bọn biết là "Phải đấy", lập tức Nguyễn Văn H liền lao ra giữa đường cầm khẩu súng chĩa thẳng về phía C1 và P hô "đứng lại", bị chặn bất ngờ B súng, Đỗ Văn P và Ân Văn C1 hoảng sợ dừng xe lại, ngay lúc đó Nguyễn Văn H dùng tay trái túm áo ngực của P, còn tay phải cầm súng chĩa thẳng về phía C1 hô đứng im, thấy vậy C1 hoảng sợ bỏ chạy vào v- ờn vải thiều ở gần đó, P vùng vẫy mạnh bị tuột chiếc áo khoác ra khỏi ng- ời rồi bỏ chạy không kịp lấy xe, trong túi áo khoác có chiếc điện thoại di động nôkia. Thấy P, C1 bỏ chạy Nguyễn Văn H nổ súng uy hiếp. Ngay lúc đó nhóm của Đ chạy đến hỗ trợ cho Nguyễn Văn H rồi cùng nhau đ- a chiếc xe mô tô của C1 và dụng cụ trộm chó (Bộ kích điện) lên thựng xe ô tô và chở về nhà Đ ở Thôn K, xã P. Tại đây cả nhóm đã bàn nhau đem chiếc xe mô tô

trên đến giao nộp cho Công an xã M, huyện L, chỉ chiếm giữ chiếc áo khoác và chiếc điện thoại di động. Sau đó Chu Văn H1 và Trịnh Trọng B, Mai Thị T3 đã trực tiếp mang chiếc xe mô tô đi giao cho Công an xã M, huyện L. Khi giao xe Chu Văn H1 và B nói với Công an xã M là xe thu đ- ợc của bọn trộm cắp chó.

Sau khi giao nộp xong xe, Chu Văn H1 sử dụng chiếc điện thoại chiếm đoạt đ- ợc của Đỗ Văn P gọi cho Đỗ Văn L và bảo L là thằng nào hôm qua bị chặn lấy mất xe thì xuống M gặp H để nói chuyện sẽ cho chuộc xe máy và bảo khi đi thì mang theo 3.000.000 đồng, L nói xe đó là xe của em trai L và hẹn gặp nói chuyện sau, và trong lúc cả nhóm Đ, H đang ăn sáng ở gần khu vực tr- ớc cổng UBND xã M thì Chu Văn H1 lại lấy chiếc điện thoại chiếm đoạt đ- ợc của P điện cho Ân Văn C1, qua điện thoại Chu Văn H1 tự x- ng là " H P đây chúng mày có xuống chuộc xe không thì bảo". Khi đó các anh C1, L, Diệp Văn B đang ở tại nhà B ở thôn B, xã N. Biết đ- ợc nhóm của Chu Văn H1 ở thôn X, xã M gây ra vụ c- ớp xe máy của mình nên Ân Văn C1 điện báo cho anh Nguyễn Văn C2 sinh năm 1977 (là cậu của C1) ở thôn C, xã Q, huyện L biết sự việc và nhờ C2 đi chuộc xe hộ, C2 đồng ý rồi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ để đặt vấn đề chuộc xe máy cho C1, sau đó anh C2 đi cùng Hoàng Văn T6 ở thôn S, xã Q, huyện L đến xã M để gặp Đ cùng đồng bọn thỏa thuận chuộc xe, khi đi Ân Văn C1 có đ- a cho anh C2 số tiền 3.000.000 đồng để chuộc xe. Để lấy cớ lấy tiền của anh C2, Nguyễn Văn Đ biết là hôm tr- ớc Nguyễn Văn S có em trai là Nguyễn Văn H1 bị ngã xe nên Đ bảo với S là "Hôm qua bọn tao đi bắt bọn trộm chó thu đ- ợc 01 xe máy, tí nữa bọn chúng nó xuống chuộc xe, mày (tức S) phải nói dối với bọn nó là em mày (H1) đuổi bọn trộm chó ngã bị th- ơng để đòi tiền của chúng nó". S đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 13/10/2012 anh C2, L, B, T6 đi cùng đến ngã ba thôn N, xã M để gặp nhóm của Đ, tất cả cùng đi đến quán n- ớc ở ngay sát B- u điện văn hóa xã M để thỏa thuận, nh- ng khi thỏa thuận thì chỉ có Đ và C2 trực tiếp trao đổi với nhau, C2 bảo Đ là "mày xem thế nào, lấy bao nhiêu tiền", Đ nói "mày nói thế không đ- ợc, thì tao lấy bao nhiêu cũng được à", Đ nói tiếp "hôm qua đuổi bắt bọn trộm chó em thằng này (tức S) bị bọn nó xịt hơi cay, nên bị ngã sứt hết cả mặt", C2 liền nói "nếu thế thì đ- a C2 về nhà thăm xem sao". Sáng đưa C2 về nhà, đến nơi C2 thấy H1 là em trai S bị th- ơng và tin Đ nói là đúng sự thật. Sau đó C2 quay lại quán n- ớc để thống nhất với Đ về việc bồi th- ờng cho H1 để đ- ợc lấy lại xe mô tô của C1. C2 nói với Đ là bồi th- ờng cho 2.000.000 đồng, rồi C2 lấy tiền ra đặt xuống chiếu cạnh chỗ S ngồi, S không cầm nh- ng Đ nói "mày cầm lấy đi" thấy vậy S cầm số tiền đó, xong Nguyễn Văn Đ cùng đồng bọn đi về nhà Chu Văn H1 ăn cơm. Còn S ở lại cùng nhóm của C2 uống bia tiếp, uống xong S gọi điện thoại cho ông D- ơng Văn Đ1 trú tại thôn Ng - xã M, huyện L bảo ông Đ1 đến đón về, khi ông Đ1 đến thì S nói "Chú đ- a cháu đến nhà thằng H cháu đ- a cho nó tiền". Đến nhà Chu Văn H1, S

thấy mọi ng- ời đang ăn cơm nên S gọi Đ ra rồi đ- a số tiền vừa nhận của C2 cho Đ, Đ cầm tiền và đ- a lại cho S 500.000 đồng mang chi tiêu cá nhân hết. Khi anh C2 giao tiền cho S xong, thì Chu Văn H1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C2 cùng đến trụ sở Công an xã M, huyện L để xin lại xe, nh- ng Công an xã M không chấp nhận yêu cầu này, thì anh C2, L, T6, B cùng đi về.

Ngày 16/10/2012 Công an xã M đã chuyển giao chiếc xe mô tô và bộ kích điện, do Chu Văn H, Trịnh Trọng B, Mai Thị T3 cho Cơ quan C2 sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 26/11/2012 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định tr- ng cầu định giá số tài sản do nhóm của Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt nêu trên.

Tại Bản kết luận số 80/KL-HĐ ngày 28/11/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu sirius biển số 98M8- 4188 của Ân Văn C1 có trị giá ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là 6.200.000 đồng; chiếc điện thoại di động Nokia-X2 của anh Đỗ Văn P có giá trị là 1.320.000 đồng và chiếc áo khoác màu đen của anh Đỗ Văn P có trị giá là 200.000 đồng. Tổng cộng là 7.720.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 18 giờ ngày 13/10/2012 tại nhà Nguyễn Văn Đ có Đ, Chu Văn H1, Trịnh Trọng B, Nguyễn Văn H, Mai Thị T3, Chu Văn T4, Bùi Văn D cùng rủ nhau đi chặn để chiếm đoạt tài sản của nhóm trộm cắp chó, B bảo T3 đi thuê xe ô tô để làm ph- ơng tiện đi. T3 đồng ý và cùng B đến nhà ông Lý Văn N3 ở thôn T, xã N, huyện L thuê chiếc xe ô tô BKS 29T- 2366 loại xe 7 chỗ ngồi. Khoảng 20 Pt sau T3 đi ô tô về. Chu Văn H1 cầm 01 túi đựng hung khí hôm tr- ớc ở nhà Đ đem theo rồi cùng Nguyễn Văn H, Đ, B, T3 lên ô tô đi do B điều khiển. Còn Chu Văn T4 thì đi B chiếc xe mô tô của Chu Văn H1 và Bùi Văn D, sinh 1994 trú tại thôn X, xã M thì đi B chiếc xe mô tô của Nguyễn Văn H, tất cả lên thị trấn C vào quán uống n- ớc. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày cả nhóm bắt đầu đi, khi đi đến ngã ba xã Y, huyện S thì dừng lại. Chu Văn H1 đ- a cho Dũng 01 thanh đao và bảo cùng T4 đứng chặn ở cầu Quốc Tuấn cách ngã ba Y khoảng 100 m về phía huyện L để mai phục chặn bắt, chiếm đoạt tài sản của nhóm trộm cắp chó, còn Trịnh Trọng B, T3, Đ, Chu Văn H1, Nguyễn Văn H ngồi ở trên ô tô đỗ tại ngã ba Y chờ, sẵn sàng chặn - Đuổi bắt.

Khoảng 01 giờ ngày 14/10/2012 Triệu Văn T7 cùng Đỗ Văn Q sinh năm 1979 trú tại thôn B, xã N đi chung chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 98K1- 5881 của Q theo h- ớng huyện L đi lên huyện S. T4, D phát hiện thấy liền nổ xe máy đuổi theo, T4 đuổi tr- ớc, rồi đến D. Thấy vậy B điều khiển xe ô tô chở T3, Đ, Chu Văn H1, Nguyễn Văn H đuổi theo, khi đuổi đến đoạn đỉnh dốc, Q thấy bị đuổi gần sát mình, liền dùng bình xịt hơi cay xịt vào T4, D nên phải đi chậm lại, đến đoạn

đ- ờng cong cua do không làm chủ đ- ợc tốc độ, D bị ngã xe không đuổi nữa, T4 đuổi tiếp nh- ng lại bị Q xịt hơi cay thì dừng lại. B điều khiển xe ô tô đuổi theo đ- ợc khoảng 3 km thì kịp T7 và Q. Triệu Văn T7 đã quay đầu xe chạy theo h- ớng huyện S đi huyện L. Thấy vậy B cũng quay xe ô tô lại và đuổi đến km 5/43 Quốc lộ 31 địa phận thôn L, xã A, huyện S, T7 thấy bị đuổi áp sát không thể chạy thoát đ- ợc nên dừng lại, bỏ xe tại đó rồi cùng Q bỏ chạy. Nhóm của Đ đến lấy chiếc xe mô tô của Q rồi Nguyễn Văn H là ng- ời trực tiếp đi chiếc xe chiếm đoạt đ- ợc mang về để tại nhà của Mai Thị T3 ở thôn T, xã H. Sau đó B lấy chiếc xe đó đi rồi lại giao cho Nguyễn Văn H sử dụng. H đi xe mô tô cho đến khi bị bắt giữ.

Ngày 26/11/2012 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định tr- ng cầu định giá chiếc xe mô tô BKS: 98K1- 5881 của anh Đỗ Văn Q.

Tại bản kết luận số 81/KL-HĐ Ngày 28/11/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: Chiếc xe mô tô BKS: 98K1- 5881 của anh Đỗ Văn Q có trị giá ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là 10.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vẫn thủ đoạn nh- hai lần tr- ớc, ngày 14 tháng 10 năm 2012 Mai Thị T3 lại thuê chiếc xe ô tô BKS 29T- 2366 của gia đình ông Lý Văn N3. Sau đó Mai Thị T3, Chu Văn H1, Nguyễn Văn Đ, Chu Văn T4, Bùi Văn D, Nguyễn Văn H đến nhà của Trịnh Trọng B ăn cơm tối. Sau khi ăn cơm xong cả nhóm lên thị trấn C uống n- ớc. Khoảng 23 giờ cùng ngày tất cả số ng- ời trên lại lên huyện S để thực hiện c- ớp tài sản của nhóm đi trộm cắp chó. Khi đi Trịnh Trọng B là ng- ời điều khiển xe ô tô trên xe ô tô có B, Chu Văn H1, Nguyễn Văn H, Đ, T3. Còn T4, D đi C1 01 xe mô tô của Chu Văn H1 và do T4 điều khiển. khi đi đến ngã 3 xã Y, huyện S thì tất cả dừng lại, Chu Văn H1 bảo T4, D đi lên phía trên ngã 3 để mai phục, khi nào phát hiện nhóm trộm cắp chó thì thông báo lại cho nhóm của H để cùng vây, đuổi bắt.

Khoảng 01 giờ ngày 15/10/2012 Chu Văn T4 phát hiện có 2 xe mô tô, mỗi xe 2 ng- ời, sau đó xác định là Đỗ Văn L, Hoàng Văn T8 đi chung 01 xe mô tô nhãn hiệu wave biển số 98L1-1891 của Đỗ Văn L, còn Đoàn Văn T5 cùng Nguyễn Văn S1 đi chung chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 98E1- 07964 là xe của Hoàng Văn T8. Thấy vậy T4, Dũng điều khiển xe mô tô đuổi theo đồng thời T4 điện báo cho nhóm Đ cùng đuổi, lúc này Mai Thị T3 lái xe ô tô lùi ra chặn đ- ờng nh- ng L, T8, T5, S1 lách qua đ- ợc và tiếp tục chạy. Tất cả nhóm Đ cùng đuổi theo. T4, D đi tr- ớc, xe ô tô đi phía sau. Khi đuổi đ- ợc khoảng 3 km thì T3 điều khiển xe ô tô v- ợt lên tr- ớc xe mô tô của T4, D. Khi bị đồng bọn của Đ đuổi, trên đ- ờng chạy Đỗ Văn L có điện thoại báo cho anh Đỗ Văn Q để bảo một số ng- ời lên ứng cứu. T3 tiếp tục điều khiển xe ô tô đuổi đến cổng Trung Đoàn 18 - S- đoàn 325 thuộc địa phận thôn L, xã G, huyện L thì xe ô tô của T3 bị nhóm của Diệp Văn S2,

Ân Văn C1, Đỗ Văn Q, Hoàng Văn K, Đỗ Văn H và Hoàng Văn Đ2 chặn đập phá xe ô tô và đánh Chu Văn H1, Nguyễn Văn H bị th- ơng.

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành khám nghiệm hiện tr- ờng, khám nghiệm ph- ơng tiện và thu giữ tại trong xe ô tô nhãn hiệu ISUZU Biển số 29T- 2366 loại xe 7 chỗ ngồi 01 viên đạn tự chế và 02 chiếc lò so.

Ngày 17/4/2013 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã có công văn tr- ng cầu định giá 02 chiếc xe mô tô của Đỗ Văn L và Hoàng Văn T8 .

Tại bản kết luận số 27/KL-HĐ Ngày 17/4/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: Chiếc xe mô tô BKS: 98L1-1891 của anh Đỗ Văn L có trị giá ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là 3.350.000 đồng; Chiếc xe mô tô BKS: 98E1-07964 của anh Hoàng Văn T8 có trị giá ở vào thời điểm bị chiếm đoạt là 2.840.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, lần l- ợt các ngày 27/10, 28/11 và 03/12/2012 Nguyễn Văn S, Mai Thị T3, Bùi Văn D, Chu Văn T4 đã đến Cơ quan C2 sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đầu thú và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân cùng đồng bọn.

Các đối t- ợng còn lại: Nguyễn Văn Đ, Chu Văn H1, Nguyễn Văn H, D- ơng Văn T5 đều bị bắt khẩn cấp. Còn Trịnh Trọng B đã trốn khỏi địa phương, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định truy nã đặc biệt số 02/CSĐT ngày 20/11/2012 và cho tới ngày 23/02/2017 Trịnh Trọng B đã đến Công an thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng bọn.

Khám xét nơi ở của Chu Văn T4 thu giữ 01 thanh kiếm và khám xét nơi ở của Mai Thị T3 thu giữ 01 con dao liềm mũi cong.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn S 01 chiếc điện thoại di động nokia - X3 và Sáng tự giao nộp 500.000 đồng là số tiền đ- ợc h- ởng từ hành vi c- ỡng đoạt tài sản. Thu giữ của Chu Văn H1 01 điện thoại di động Nokia, 01 báng súng và thân súng bằng gỗ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định tr- ng cầu giám định về tính năng, tác dụng của viên đạn và 02 chiếc lò so thu giữ trong vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 4141/C54(P3) và số 558/C54(P3) Ngày 16/01/2013 và ngày 27/02/2013 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm Bộ Công an kết luận: Viên đạn gửi giám định là đạn ghém tự tạo Calip 32 còn sử dụng để bắn đ- ợc và dùng cho súng săn Calip 32. Khi sử dụng súng bắn đạn trên vào cơ thể ng- ời có thể gây sát th- ơng (chết hoặc bị

th- ơng). Viên đạn ghém Calip 32 không phải vũ khí quân dụng, 02 lò so có thể dùng để làm bộ phận chế tạo các loại súng hoặc súng tự chế.

Đối với 02 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius, BKS 98M8- 4188; và chiếc YAMAHA loại Sirius BKS: 98K1- 5881 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 của Ân Văn C1, Đỗ Văn Q, Đỗ Văn P là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tài sản này cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU Biển số 29T- 2366 loại xe 7 chỗ ngồi của ông Lý Văn N3 cho Mai Thị T3 thuê tự lái, ông Nga không biết T3 và đồng bọn sử dụng chiếc xe trên vào mục đích phạm tội, nên không có căn cứ để xử lý. Chiếc xe này đã đ- ợc giải quyết bồi th- ờng ở vụ án khác.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu sirius biển số 98K7- 4423 Chu Văn H1 đã sử dụng vào việc phạm tội. Qúa trình điều tra xác định chiếc xe này là của ông Chu Văn N4 bố đẻ của Chu Văn H1, H m- ợn xe đi ông Nam không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn không thu giữ chiếc xe mô tô trên của ông Chu Văn N4 là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô Nguyễn Văn H đã sử dụng vào việc phạm tội, là do H m- ợn của anh C ở thị trấn S, huyện L, tỉnh Hải D- ơng, sau khi phạm tội xong Nguyễn Văn H đã trả lại chiếc xe đó cho anh C. Quá trình điều tra không xác định đ- ợc địa chỉ c- trú của anh C, nên không thu hồi đ- ợc chiếc xe trên.

Đối với ng- ời có tên là L1 (bạn gái của Nguyễn Văn Đ) cùng với Đ đến xã M ngày 13/10/2012 nh- ng chị L1 không tham gia c- ỡng đoạt tài sản cùng Đ nên không đặt ra xử lý.

Đối với các đối t- ợng: Đỗ Văn L, Đỗ Văn Q, Ân Văn C1, Đoàn Văn T5, Hoàng Văn T8, Nguyễn Văn S1, Hoàng Văn Đ2 đã có hành vi trộm cắp tài sản (chó) và đập phá xe ô tô đã đ- ợc xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với ông D- ơng Văn Đ1, sinh 1965 trú tại thôn N, xã M đã sử dụng xe mô tô của mình trở Nguyễn Văn S đến nhà Chu Văn H1 để S đ- a số tiền chiếm đoạt đ- ợc của anh C2 cho Đ, nh- ng ông Đ1 không biết là S có hành vi C- ỡng đoạt tài sản, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối Với Chu Văn H1 có gọi điện thoại cho anh Đỗ Văn L và anh Ân Văn C1 nói đem tiền đến chuộc xe mô tô bị đồng bọn Đ chiếm đoạt, nh- ng Chu Văn H1 không trực tiếp giao dịch với các anh C2, L, B, T6 để chiếm đoạt tiền chuộc xe nên ch- a đủ căn cứ để xử lý Chu Văn H1 về tội C- ỡng đoạt tài sản.

Đối với chiếc xe ô tô tải màu xanh mà Trịnh Trọng B đã điều khiển chở Nguyễn Văn Đ và đồng bọn đi thực hiện hành vi cướp tài sản. B khai chiếc xe ô tô tải đó là của anh Bùi Văn N2, sinh năm 1978 trú tại thôn X, xã M, B là người lái thuê xe ô tô cho anh N2, sau khi phạm tội B đã giao trả lại chiếc xe ô tô đó cho Bùi

Văn N2. Hiện nay anh N2 không có mặt ở địa phương, nên chưa xác minh làm rõ được chiếc xe ô tô trên. Khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn H1; Chu Văn H; Chu Văn T4; Mai Thị T3; Dương Văn T5; Bùi Văn D, Nguyễn Văn S đã được xét xử bằng bản án hình sự sơ thẩm số 60/2013/HSST ngày 12/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, sau đó một số bị cáo kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xét xử phúc thẩm theo bản án số 44/2014/HSPT ngày 11/3/2014 tuyên các bị cáo trên đều phạm tội cướp tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản.

Đối với vật chứng của vụ án đã được xử lý ở vụ án trước đây.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Trọng B phạm tội "Cướp tài sản".

□p dụng điểm d khoản 2 điều 133; điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; điều 53; điều 33 Bộ luật hình sự. Điều 191, Điều 192 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Trịnh Trọng B 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/2/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 27/7/2017 bị cáo Trịnh Trọng B nộp đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Trịnh Trọng B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã ra đầu thú, bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, nộp thêm 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Trọng B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo: Bị cáo phạm tội là có căn cứ. Đề nghị xem xét giảm án cho bị cáo vì các đồng phạm trong vụ việc này được xét xử trước đây khi kháng cáo đã được cấp phúc thẩm giảm hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú, bố đẻ là người có công với

cách mạng, đã tác động gia đình để nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị rủ rê lôi kéo, điều kiện của bị cáo rất khó khăn. Đề nghị xét xử bị cáo ở mức án khởi điểm.

Kiểm sát viên đối đáp: Mặc dù bị cáo vai trò vị trí sau 2-3 bị cáo khác, bị cáo phạm tội rất tích cực. Mức hình phạt như vậy là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong HĐXX giảm cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ. tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Trọng B đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp, cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX thấy trong khoảng thời gian từ ngày 12/10/2012 đến ngày 15/10/2012 Trịnh Trọng B đã tham gia cùng đồng bọn thực hiện 03 vụ "Cướp tài sản" trên địa bàn huyện L và huyện S. Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trịnh Trọng B về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Trọng B thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo có bố đẻ là ng-ời có công với n-ớc, đ-ợc nhà n-ớc tặng th-ởng Huy ch-ơng kháng chiến hạng nhất nên bị cáo đ-ợc h-ởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm đã sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm, việc bị cáo tác động gia đình nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm chỉ là thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo và không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Trọng B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trịnh Trọng B phạm tội " Cướp tài sản".

□p dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Trọng B 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/2/2017.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Trịnh Trọng B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi